

KHOA TIN HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP
VỀ NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. THÔNG TIN CHUNG

- Số lượng doanh nghiệp khảo sát: 15
- Ngày khảo sát: từ 01/10/2021 đến 10/10/2021
- Loại hình hoạt động của các doanh nghiệp được khảo sát: 100% trường công lập

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

1. Đánh giá về học viên tốt nghiệp

1.1. Xin quý Anh/Chị đánh giá mức độ đáp ứng của người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Tin học thuộc Trường Đại học Vinh đối với công việc, trong đó: **1 = Không có ý kiến; 2 = Yếu; 3 = Trung bình; 4 = Khá; 5 = Tốt.**

| NỘI DUNG NHẬN XÉT | Mức độ (%) | | | | |
|---|------------|-----|------|------|------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1.1.1. Về kiến thức, kỹ năng | | | | | |
| 1. Kiến thức chuyên ngành công nghệ thông tin | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 33.3 | 55.6 |
| 2. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 55.6 | 11.1 |
| 3. Kỹ năng thực hành, ứng dụng các công nghệ hiện đại | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 44.4 | 33.3 |
| 4. Kỹ năng xác định mục tiêu công việc | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 33.3 | 44.4 |
| 5. Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối công việc | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 33.3 | 44.4 |
| 6. Kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 22.2 | 55.6 |
| 7. Kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 44.4 | 22.2 |
| 8. Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 22.2 | 55.6 |
| 9. Kỹ năng làm việc nhóm | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 11.1 | 66.7 |
| 10. Kỹ năng lãnh đạo | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 44.4 | 22.2 |
| 11. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 22.2 | 44.4 |
| 12. Kỹ năng viết báo cáo | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 11.1 | 55.6 |
| 1.1.2. Về thái độ | | | | | |
| 13. Hăng say, nhiệt tình đối với công việc | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 22.2 | 55.6 |
| 14. Năng động, sáng tạo trong công việc | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 44.4 | 33.3 |
| 15. Có tinh thần học hỏi, khắc phục mọi khó khăn để vươn lên | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 11.1 | 66.7 |

| | | | | | |
|--|-----|-----|------|------|------|
| 16. Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 33.3 | 55.6 |
|--|-----|-----|------|------|------|

1.2. Xin quý Anh/Chị cho biết người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Tin học thuộc Trường Đại học Vinh có những điểm mạnh, điểm yếu nào trong thời gian làm việc tại đơn vị:

1.2.1. Điểm mạnh:

- Đào tạo nâng cao kiến thức, trình độ về CNTT, đáp ứng các yêu cầu công tác giảng dạy, sử dụng các công cụ phục vụ cho việc dạy học và quản lý nhà trường, chuyển đổi số nội bộ doanh nghiệp.
- Có kiến thức tốt, cập nhật kiến thức mới, kỹ năng làm việc tốt và khoa học.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào công tác chuyên môn.

1.2.2. Điểm yếu:

- Tiếng Anh chưa tốt.
- Còn hạn chế về tài liệu nghiên cứu.
- Cần cải thiện về kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn tại Doanh nghiệp.

2. Đánh giá về chương trình đào tạo 2021

2.1. Xin quý Anh/Chị đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu chương trình đào tạo so với yêu cầu công việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin của đơn vị:

| Mục tiêu tổng quát | Mức độ (%) | | | | |
|---|-----------------|---------------|------------|---------|-------------|
| | Không có ý kiến | Không phù hợp | Ít phù hợp | Phù hợp | Rất phù hợp |
| Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Tin học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học và các hệ thống thông tin thuộc lĩnh vực giáo dục trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. | 11.11 | 0.00 | 0.00 | 55.56 | 33.33 |

Nếu mục tiêu tổng quát của chương trình đào tạo không phù hợp hoặc ít phù hợp, đề nghị Anh/Chị cho biết mục tiêu tổng quát cần được sửa như thế nào hoặc cho ý kiến chi tiết (nếu có thể):

- Xem xét bổ sung thêm các kiến thức cơ bản về Chuyển đổi số tại các lĩnh vực Chính phủ số/Kinh tế số/Xã hội số cho sinh viên.

| Mục tiêu cụ thể: Sinh viên sau từ 2 đến 3 năm tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học có khả năng: | Mức độ (%) | | | | |
|--|-----------------|---------------|------------|---------|-------------|
| | Không có ý kiến | Không phù hợp | Ít phù hợp | Phù hợp | Rất phù hợp |
| 1. Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, Toán học và lập luận ngành để giải quyết | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 44.4 | 33.3 |

| | | | | | |
|---|------|-----|-----|------|------|
| các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục môn Tin học và các vấn đề công nghệ thông tin trong giáo dục. | | | | | |
| 2. <i>Thể hiện</i> kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp. | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 44.4 |
| 3. <i>Thể hiện</i> kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả và năng lực sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học và các hoạt động nghề nghiệp khác. | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 44.4 | 33.3 |
| 4. <i>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành</i> các hoạt động dạy học, giáo dục môn Tin học, các hệ thống thông tin trong giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp. | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 55.6 | 22.2 |

Nếu mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo không phù hợp hoặc ít phù hợp, đề nghị Anh/Chị cho biết mục tiêu cụ thể cần được sửa như thế nào hoặc cho ý kiến chi tiết (nếu có thể):

- Không có ý kiến: 100%

2.2. Xin quý Anh/Chị đánh giá mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo so với yêu cầu công việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin của đơn vị:

| Chuẩn đầu ra: Người học tại thời điểm tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Tin học có khả năng: | | Mức độ (%) | | | | |
|---|---|------------------------|----------------------|-------------------|----------------|--------------------|
| | | Không có ý kiến | Không phù hợp | Ít phù hợp | Phù hợp | Rất phù hợp |
| 1 | <i>Áp dụng</i> kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, kiến thức nền tảng của Tin học vào hoạt động nghề nghiệp. | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 55.6 | 22.2 |
| 2 | <i>Vận dụng</i> kiến thức về khoa học giáo dục trong hoạt động dạy học và giáo dục môn Tin học. | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 44.4 | 33.3 |
| 3 | <i>Vận dụng</i> các kiến thức nâng cao khoa học cơ bản và chuyên sâu của ngành Tin học vào quá trình dạy học và hoạt động giáo dục. | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 55.6 | 22.2 |
| 4 | <i>Thể hiện</i> các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp trong hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu, các hoạt động chuyên môn khác và phát triển bản thân. | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 44.4 |
| 5 | <i>Thể hiện</i> phẩm chất cá nhân và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động dạy học, giáo dục cũng như các hoạt động chuyên môn khác. | 22.2 | 0.0 | 11.1 | 22.2 | 44.4 |
| 6 | <i>Thể hiện</i> kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm, phối hợp chuyên môn với đồng nghiệp và cộng đồng. | 22.2 | 0.0 | 11.1 | 44.4 | 22.2 |
| 7 | <i>Thể hiện</i> giao tiếp hiệu quả đa phương thức và ngoại ngữ trong các hoạt động cá nhân và nghề | 22.2 | 0.0 | 11.1 | 33.3 | 33.3 |

| | | | | | | |
|---|---|------|-----|------|------|------|
| | ng nghiệp. | | | | | |
| 8 | Xác định được bối cảnh hoạt động nghề nghiệp: xã hội, nhà trường phổ thông. | 22.2 | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 44.4 |
| 9 | Xác định được bối cảnh hoạt động nghề nghiệp: xã hội, nhà trường phổ thông. | 22.2 | 0.0 | 11.1 | 22.2 | 44.4 |

Nếu chuẩn đầu ra nào được xác định không phù hợp hoặc ít phù hợp, đề nghị Anh/Chị cho biết chuẩn đầu ra đó cần được sửa như thế nào hoặc cho ý kiến chi tiết (nếu có thể):

- Không có ý kiến: 100%

2.3. Xin quý Anh/Chị cho biết mức độ cần thiết của những **chủ đề kiến thức cần phải có** trong chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của đơn vị bằng cách chọn một trong các mức từ 1 đến 5 với quy ước:

1 = Không cần thiết; 2 = Ít cần thiết; 3 = Không biết; 4 = Cần thiết; 5 = Rất cần thiết.

| | Mức độ (%) | | | | |
|---|------------|------|-----|------|------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Dạy học lập trình trong môi trường phổ thông | 11.1 | 0.0 | 0.0 | 22.2 | 66.7 |
| 2. Kiến trúc và bảo trì máy tính | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 66.7 |
| 3. Lập trình .NET | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 66.7 |
| 4. Thực hành dạy học Tin học và thực tế phổ thông | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 66.7 |
| 5. Phân tích và thiết kế thuật toán | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 66.7 |
| 6. Lập trình web | 0.0 | 11.1 | 0.0 | 33.3 | 55.6 |
| 7. Các môn tự chọn: Internet kết nối vạn vật; Lập trình cho thiết bị di động; Lập trình Robot; Phát triển ứng dụng với Java; Phát triển ứng dụng với mã nguồn mở; Các công nghệ dạy học; Dạy học lập trình trong môi trường phổ thông; Dạy học lập trình trong môi trường trò chơi; | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 88.9 |
| 8. Thực tập và đồ án tốt nghiệp | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 33.3 | 66.7 |

Ngoài những chủ đề kiến thức trên, xin Quý Anh/Chị cho biết những chủ đề khác cần phải có chương trình đào tạo (xin liệt kê cụ thể)?

- Không có ý kiến: 100%

2.4. Xin quý Anh/Chị cho biết mức độ cần thiết của các **kỹ năng** cần được rèn luyện trong chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của đơn vị bằng cách chọn một trong các mức từ 1 đến 5 với quy ước:

1 = Không cần thiết; 2 = Ít cần thiết; 3 = Không biết; 4 = Cần thiết; 5 = Rất cần thiết.

| | Mức độ (%) | | | | |
|--|------------|-----|------|------|------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Kỹ năng nghiên cứu tài liệu | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 22.2 | 66.7 |
| 2. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 11.1 | 77.8 |

| | | | | | |
|--|-----|------|------|------|------|
| 3. Kỹ năng hoạt động nhóm | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 22.2 | 66.7 |
| 4. Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối công việc | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 11.1 | 77.8 |
| 5. Kỹ năng lãnh đạo | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 44.4 | 44.4 |
| 6. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 11.1 | 77.8 |
| 7. Kỹ năng viết báo cáo | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 11.1 | 77.8 |
| 8. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 33.3 | 55.6 |
| 9. Kỹ năng xác định mục tiêu | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 33.3 | 55.6 |
| 10. Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 33.3 | 55.6 |
| 11. Kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thông tin | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 11.1 | 77.8 |
| 12. Kỹ năng thực hành, ứng dụng các công nghệ hiện đại | 0.0 | 11.1 | 11.1 | 11.1 | 66.7 |
| 13. Kỹ năng nghiên cứu khoa học | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 33.3 | 55.6 |

Ngoài những kỹ năng trên, xin Quý Anh/Chị cho biết những kỹ năng khác cần phải có chương trình đào tạo (xin liệt kê cụ thể)?

- Không có ý kiến: 100%

2.5. Xin quý Anh/Chị cho biết mức độ cần thiết của **ý thức, thái độ** cần được rèn luyện trong chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của đơn vị bằng cách chọn một trong các mức từ 1 đến 5 với quy ước:

1 = Không cần thiết; 2 = Ít cần thiết; 3 = Không biết; 4 = Cần thiết; 5 = Rất cần thiết.

| | Mức độ (%) | | | | |
|---|------------|-----|------|------|------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm trong công việc. | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 11.1 | 77.8 |
| 2. Chủ động cập nhật kiến thức trong lĩnh vực kỹ thuật | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 0.0 | 88.9 |
| 3. Tôn trọng đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 11.1 | 77.8 |
| 4. Tư duy sáng tạo | 0.0 | 0.0 | 11.1 | 22.2 | 66.7 |

Ngoài những ý thức và thái độ trên, xin Quý Anh/Chị cho biết những ý thức, thái độ khác cần phải được rèn luyện trong chương trình đào tạo (xin liệt kê cụ thể)?

- Không có ý kiến: 100%

2.6. Xin quý Anh/Chị cho các ý kiến đánh giá khác (nếu có thể).

- Không có ý kiến: 100%

Vinh, ngày 12 tháng 10 năm 2021

Trưởng khoa

Trần Thị Kim Oanh

